|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Dự thảo Nghị định quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh** | | | |
| **Về hồ sơ đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề đối với người Việt Nam (Điều 6)**  Nội dung của Sơ yếu lý lịch là tài liệu trong Hồ sơ cấp mới chứng chỉ hành nghề đối với người Việt Nam | Yêu cầu phải kê khai nội dung trong Sơ yếu lý lịch khá nhiều và có một số thông tin ít ý nghĩa:   * **Một số thông tin có trong Sơ yếu lý lịch (tại Mẫu 06 của Phụ lục) đã được thể hiện trong các tài liệu nộp cùng trong Hồ sơ này**, chẳng hạn như: Thông tin về sức khỏe đã có trong Giấy chứng nhận đủ sức khỏe; thông tin về học vấn đã có trong Văn bằng chuyên môn; Một số thông tin có tính định danh đã được thể hiện trong Phiếu lý lịch tư pháp …   Ngoài ra, một số thông tin khác trong Sơ yếu lý lịch như: Thông tin về bản thân (thành phần sau cải cách ruộng đất, ngày kết nạp Đảng-Đoàn, ngày nhập ngũ – xuất ngũ..); Hoàn cảnh gia đình (tên, tuổi, nghề nghiệp của người thân, quá trình hoạt động trước cách mạng tháng 8, trong kháng chiến chống Pháp, từ năm 1955 đến nay của bố mẹ, trình độ chính trị, nghề nghiệp của anh chị em ruột…)… đã quá cũ/ít ý nghĩa hoặc hầu như không có liên quan nhiều đến vấn đề cốt lõi cần quản lý đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (đạo đức, trình độ chuyên môn).   * **Gia tăng thủ tục hành chính** cho đối tượng xin cấp chứng chỉ: Việc yêu cầu khai quá nhiều thông tin (thậm chí là những thông tin quá chi tiết, ví dụ như thông tin về hoàn cảnh gia đình) khiến cho các đối tượng xin cấp chứng chỉ mất thêm thời gian, trong khi những thông tin trong tài liệu này hoặc là trùng hoặc là ít ý nghĩa (như phân tích ở trên). | **Đề nghị bỏ một số thông tin không cần thiết trên trong Sơ yếu lý lịch**, chỉ cần những thông tin liên quan trực tiếp đến người xin cấp chứng chỉ, còn những người liên quan chỉ cung cấp tên mà không phải là các thông tin quá chi tiết như Phụ lục 6 Dự thảo yêu cầu |
| **Về cấp phép cho cơ sở giáo dục được kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh (Điều 23)** | Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 Dự thảo thì thủ tục cấp phép đối với cơ sở được kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan nhà nước có thể xem xét hồ sơ để cấp phép hoặc “trong trường hợp cần thiết” sẽ tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở trước khi cho phép.  Quy định trên vừa thiếu rõ ràng vừa chưa hợp lý ở điểm: không rõ trường hợp nào thì cơ quan nhà nước sẽ tiến hành kiểm tra thực tế, trường hợp nào chỉ xem xét hồ sơ rồi cấp phép?  “Trong trường hợp cần thiết” là quy định chung chung, mang tính định tính, trao nhiều quyền quyết định cho cơ quan cấp phép và có thể nảy sinh những nhũng nhiễu.  Hơn nữa, đối với những điều kiện khá rõ ràng và cụ thể quy định tại khoản 1 Điều 23 và những điều kiện này có thể chứng minh được qua tài liệu, thì không nhất thiết phải tiến hành kiểm tra thực tế trước khi cấp phép. Nếu có sự lo ngại về việc cơ sở cấp phép có sự gian dối thì có thể kiểm soát bằng hình thức kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất. | Đề nghị **bỏ quy định** “trường hợp cần thiết, Bộ Y tế tiến hành kiểm tra thực tế tại cơ sở đề nghị trước khi cho phép” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 23 Dự thảo. |
| **Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm**  Theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Dự thảo thì Hồ sơ để thực hiện thủ tục này phải có:   * (1) Bản sao giấy phép thành lập * (2) Điều lệ tổ chức và hoạt động của bệnh viện * (3) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của tất cả người hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh * (4) Danh sách người làm việc của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm người hành nghề và người làm việc chuyên môn y tế tại cơ sở nhưng không thuộc diện phải cấp chứng chỉ hành nghề) * (5) Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, bản mô tả mô hình tổ chức của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh * (6) Tài liệu chứng minh cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức nhân sự phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn của một trong các hình thức tổ chức tại Mục 1 Chương III Nghị định này * (7) Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành | Về mặt logic, đối với trường hợp chuyển địa điểm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (tức là tất cả các vấn đề khác về nhân sự, chuyên môn không thay đổi), chỉ cần chứng minh tại địa điểm mới của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh vẫn đáp ứng được điều kiện về cơ sở vật chất là đủ.  Tuy nhiên, quy định tại Dự thảo yêu cầu các loại giấy tờ dường như ít liên quan đến sự thay đổi về địa điểm ví dụ các tài liệu (2), (3), (4), (7).  Khoản 3 Điều 44 có một số dẫn chiếu chưa chính xác: không thấy có điểm h, k, l trong khoản 1 Điều 44, không thấy mẫu số 10 trong Phụ lục 1 ban kèm theo Nghị định. | Đề nghị **bỏ các tài liệu** không liên quan trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm.  Đề nghị **điều chỉnh lại** dẫn chiếu quy định phù hợp, chính xác tại khoản 3 Điều 44. |
| **Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh**  Khoản 4 Điều 44 Dự thảo quy định Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải cung cấp các loại tài liệu như:   * (1) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh * (2) Dự kiến phạm vi hoạt động chuyên môn: Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật dự kiến thực hiện trên cơ sở danh mục kỹ thuật chuyên môn do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành * Điểm h, I và k khoản 1 Điều 44 (không thấy có các quy định này) | Trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chỉ thay đổi tên gọi mà không thay đổi bất kỳ yếu tố nào liên quan đến điều kiện hoạt động của cơ sở, thì việc yêu cầu phải nộp tất cả các tài liệu trên là chưa hợp lý, bởi các tài liệu này dường như *không liên quan* đến việc thay đổi tên của cơ sở. Do đó, quy định tại khoản 4 Điều 44 Dự thảo vừa tạo gánh nặng về thủ tục cho doanh nghiệp vừa không đảm bảo được mục tiêu quản lý nhà nước. | Đề nghị **sửa đổi** khoản 4 Điều 44 theo hướng, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải cung cấp các loại tài liệu là:   * Đơn đề nghị (trong đó có nội dung về tên hiện tại của cơ sở, tên mới mà cơ sở dự định đổi thành) * Giấy phép hoạt động   Đề nghị **điều chỉnh lại** dẫn chiếu quy định phù hợp, chính xác tại khoản 4 Điều 44 |
| **Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả (Điều 36)**  “người phụ trách cơ sở dịch vụ làm răng giả phải ít nhất là thợ trồng răng (nha công) đã hành nghề từ năm 1980 trở về trước và tại thời điểm đó đã đủ 18 tuổi trở lên, đồng thời phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hành nghề là kỹ thuật viên răng giả.” (khoản 3) | Quy định tại Dự thảo được hiểu, nhân sự của cơ sở dịch vụ làm răng giả phải đáp ứng điều kiện là “thợ trồng răng (nha công) đã hành nghề từ năm 1980 trở về trước và tại thời điểm đó đã đủ 18 tuổi trở lên, đồng thời phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hành nghề là kỹ thuật viên răng giả”, còn ngoài những người không đạt điều kiện này ra thì không được là người phụ trách cơ sở dịch vụ làm răng giả.  Hơn nữa, quy định này chưa rõ ở điểm: Ủy ban nhân dân xã là xã nào (xã mà thợ trồng răng đăng ký hộ khẩu thường trú hay là xã mà người thợ trồng răng hành nghề?) Ủy ban nhân dân xã dựa vào đâu để xác nhận việc này (Ủy ban nhân dân xã không bảo đảm có và còn giữ ghi chép về tất cả những người hành nghề y tế nói chung, trồng răng nói riêng vào các thời điểm từ năm 1980 trở về trước)?  Giải trình của Cơ quan chủ trì soạn thảo đối với quy định này là “đối tượng nha công là đối tượng làm nghề làm răng giả còn sót lại từ sau giải phóng, quy định tại Điều 38 (phiên bản mới là 36) của Dự thảo Nghị định là để giải quyết nốt một số trường hợp còn tồn tại từ nhiều năm về trước”.  Mục đích của Ban soạn thảo là hợp lý, tuy nhiên cách thức quy định lại chưa phù hợp và có thể gây nhầm lẫn như cách hiểu ở trên. | Đề nghị **sửa lại quy định** theo hướng:  Người phụ trách cơ sở dịch vụ làm răng giả phải có chứng chỉ hành nghề với phạm vi hành nghề là kỹ thuật viên răng giả.  Đối với người đã hành nghề từ năm 1980 trở về trước và tại thời điểm đó đã đủ 18 tuổi trở lên, phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã … |